

Số: 1843 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung mỏ đá Khuổi Quân
vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản
làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 33/2012/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung Nghị Quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 của 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 270/HĐND-KTNS ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc bổ sung mỏ đá Khuổi Quân, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng và Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1020/TTr-SXD ngày 02/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Mỏ đá Khuổi Quân, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 (*chi tiết thể hiện tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các bước tiếp theo để triển khai các hoạt động khoáng sản tại mỏ đá Khuổi Quân, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng theo quy định của pháp luật; hạn chế tối đa tác động không mong muốn khi mỏ đá được cấp phép khai thác khoáng sản; đảm bảo cảnh quan, thiên nhiên môi trường khu vực, hài hòa lợi ích giữa người dân, nhà đầu tư, nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Hòa An và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch;
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CN_(A).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Thảo



PHỤ LỤC
CHI TIẾT MỎ ĐÁ KHUỔI QUẢN BỔ SUNG QUY HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 1843 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên, khu vực vị trí điểm mỏ đá	Hệ tọa độ VN-2000		Diện tích (ha)	Dự kiến trữ lượng (m ³)	Dự kiến công suất khai thác (m ³ /năm)	Các phía tiếp giáp			
		Kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3 ^o	Điểm góc							
1	Mỏ đá Khuổi Quản, xã Ngũ Lão, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	X (m)	Y (m)	5,2	3.900.000	156.000	+ Phía Đông giáp chân đồi núi đá; + Phía Tây giáp đồi núi đá; + Phía Nam giáp chân đồi núi đá; + Phía Bắc giáp đồi núi đá.			
								1	553.750,92	2.516.133,76
								2	553.919,80	2.516.282,63
								3	554.074,86	2.516.121,83
4	553.916,94	2.515.962,26								

